

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19,

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất như sau:

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Người sử dụng lao động vay vốn để trả lương cho người lao động theo quy định tại Khoản 22 Điều 1 Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi chung là khách hàng).

1.2. Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

1.3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2. Nguyên tắc cho vay

2.1. Việc cho vay phải đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

2.2. Khách hàng phải sử dụng vốn vay đúng mục đích, có trách nhiệm hoàn trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn.

3. Điều kiện vay vốn

3.1. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc: Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

3.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

a) Đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19.

b) Đối với khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được khách hàng sử dụng để trả lương cho người lao động ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh.

5. Mức cho vay

5.1. Khách hàng được vay vốn một hoặc nhiều lần để trả lương ngừng việc, trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất với thời gian tối đa 03 tháng/người lao động (bao gồm thời gian đã vay vốn trả lương cho người lao động theo văn bản hướng dẫn số 6199/HD-NHCS).

5.2. Việc xác định mức cho vay hàng tháng đối với khách hàng như sau:

Mức cho vay tối đa
01 tháng của 01
khách hàng = Số tiền vay vốn trả
lương ngừng việc + Số tiền vay vốn trả lương
cho người lao động khi
phục hồi sản xuất

Trong đó:

Số tiền vay vốn trả
lương ngừng việc = Mức lương tối
thiểu vùng đối với
người lao động bị
ngừng việc x Số người lao động bị ngừng việc
được cơ quan bảo hiểm xã hội
xác nhận trong Danh sách Mẫu
số 13a ban hành kèm theo Quyết
định số 23/2021/QĐ-TTg

Số tiền vay vốn trả
lương cho người
lao động khi phục
hồi sản xuất = Mức lương tối
thiểu vùng đối với
người lao động
đang làm việc theo
hợp đồng lao động x Số người lao động đang làm
việc theo hợp đồng lao động
được cơ quan bảo hiểm xã hội
xác nhận trong Danh sách Mẫu
số 13b/13c ban hành kèm theo
Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg

5.3. Khách hàng đề nghị vay vốn để trả lương cho người lao động đủ 01 tháng tại tháng đề nghị vay vốn, NHCSXH nơi cho vay phê duyệt theo đề nghị của khách hàng nhưng tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng theo tháng.

Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn để trả lương cho người lao động không đủ 01 tháng tại tháng đề nghị vay vốn, NHCSXH nơi cho vay phê duyệt cho vay theo đề nghị của khách hàng nhưng tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng theo ngày nhân (x) với số ngày trả lương thực tế trong tháng cho người lao động.

Mức lương tối thiểu
vùng theo ngày = $\frac{\text{Mức lương tối thiểu vùng theo tháng}}{\text{Số ngày làm việc trong tháng theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động}}$

5.4. Mức tiền lương tối thiểu vùng căn cứ theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

6. Lãi suất cho vay

6.1. Lãi suất cho vay: 0%/năm (không phân trăm).

6.2. Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận dưới 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

8. Bảo đảm tiền vay

Khách hàng không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay.

9. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp đến khách hàng.

10. Hồ sơ vay vốn

10.1. Khách hàng tự lập danh sách, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với số lao động ngừng việc, số lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay.

10.2. Đối với khách hàng vay vốn trả lương ngừng việc

10.2.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12a ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13a ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Điều lệ của doanh nghiệp/Hợp tác xã/tổ chức khác.

d) Bản gốc/Bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác có quy định).

đ) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

e) Bản sao văn bản thỏa thuận về tiền lương ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động.

10.2.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 10.2.1 khoản 10 văn bản này.



- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e điểm 10.2.1 khoản 10 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

10.3. Đối với khách hàng vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh

10.3.1. Hồ sơ vay vốn lần đầu gồm:

a) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 12b ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng theo quy định tại tiết a điểm 3.2 khoản 3 văn bản này; Mẫu số 12c ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg đối với khách hàng quy định tại tiết b điểm 3.2 khoản 3 văn bản này.

b) Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 13b/13c ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

c) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

- Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ tổ chức hoặc Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Điều lệ của doanh nghiệp/Hợp tác xã/tổ chức khác.

d) Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với khách hàng phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 và khách hàng hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

đ) Bản gốc/Bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác có quy định).

e) Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

g) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động để phòng, chống

dịch COVID-19 hoặc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với khách hàng khách hàng vay vốn trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh quy định theo tiết a điểm 3.2 khoản 3 văn bản này).

10.3.2. Hồ sơ vay vốn các lần tiếp theo gồm:

- Các hồ sơ nêu tại tiết a, b điểm 10.3.1 khoản 10 văn bản này.
- Bổ sung hồ sơ nêu tại tiết c, d, đ, e, g điểm 10.3.1 khoản 10 văn bản này nếu có thay đổi so với hồ sơ vay vốn lần đầu.

10.4. Trường hợp khách hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu của tổ chức nước ngoài thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài thì cung cấp bản dịch có công chứng. Trường hợp văn bản ủy quyền để thực hiện giao dịch liên quan đến vay vốn với NHCSXH được lập tại nước ngoài thì phải được công chứng, chứng thực tại cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài theo quy định.

10.5. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2022.

10.6. Khách hàng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia đến NHCSXH nơi khách hàng đóng trụ sở (đối với doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã) hoặc nơi cư trú (đối với hộ kinh doanh, cá nhân).

11. Quy trình cho vay

11.1. Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu các giấy tờ quy định tại khoản 10 văn bản này do khách hàng cung cấp, lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ vay vốn (Mẫu số 01/CVTL) trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

11.2. Trong vòng 04 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ được phân công thực hiện các công việc sau:

- a) Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh, NHCSXH nơi cho vay kiểm tra trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp không có thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin không chính xác, đầy đủ thì yêu cầu khách hàng cung cấp bản sao có chứng thực hoặc bản chính để kiểm tra đối chiếu.

Đối với các loại giấy tờ: Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc

pháp luật có quy định); Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay yêu cầu khách hàng cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Trường hợp, khách hàng đã nộp là bản sao có chứng thực thì không phải kiểm tra đối chiếu với bản chính.

b) Trình phê duyệt cho vay:

- Trường hợp hồ sơ vay vốn đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ, lập Tờ trình phê duyệt cho vay (Mẫu số 02/CVTL) trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ để trình Giám đốc xem xét, phê duyệt. Đồng thời, lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 03/CVTL) gửi khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, lập Thông báo từ chối cho vay (Mẫu số 04/CVTL), ghi rõ lý do từ chối trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

11.3. Căn cứ kết quả phê duyệt cho vay, cán bộ được phân công cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng (Mẫu số 05/CVTL, 05PL/CVTL):

a) Hợp đồng tín dụng được lập một lần với khách hàng vay vốn lần đầu và lập Phụ lục hợp đồng tín dụng cho các lần vay vốn tiếp theo (nếu có).

b) Khách hàng có nhu cầu mở tài khoản tại NHCSXH để phục vụ cho việc giải ngân, thu nợ, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1155/NHCS-KTTC ngày 07/4/2017 của Tổng Giám đốc. Khi mở tài khoản, NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng về việc NHCSXH được chủ động trích số dư trong tài khoản này để thu nợ gốc, thu lãi quá hạn (nếu có).

12. Tổ chức giải ngân

12.1. Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng.

12.2. NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân tới khách hàng trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo vốn.

12.3. Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2022 hoặc khi giải ngân hết 7.500 tỷ đồng được Ngân hàng nhà nước cho vay tái cấp vốn tùy theo điều kiện nào đến trước.

13. Kiểm tra sau cho vay

13.1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, khi khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ (sau đây gọi tắt là chứng từ) chứng minh việc trả lương cho người lao động thì cán bộ được phân công kiểm tra, lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/CVTL) và lưu vào hồ sơ vay vốn.

13.2. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, khách hàng chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc trả lương cho người lao động, NHCSXH nơi cho vay thực hiện kiểm tra trực tiếp việc sử dụng vốn vay của khách hàng và lập Biên bản kiểm tra Mẫu 06/CVTL cụ thể như sau:

- Trường hợp khách hàng cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc trả lương hoặc tài liệu chứng minh nguyên nhân khách quan chưa cung cấp đầy đủ chứng từ, cán bộ kiểm tra kiến nghị tiếp tục thực hiện cho vay đối với khách hàng.

- Trường hợp khách hàng không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc vi phạm các nội dung khác trong Hợp đồng tín dụng, cán bộ kiểm tra kết luận vào Biên bản kiểm tra và kiến nghị biện pháp xử lý.

14. Thu nợ gốc, thu lãi

14.1. Khách hàng trả nợ gốc một lần khi đến hạn và có thể trả nợ trước hạn.

14.2. Khách hàng trả nợ quá hạn thì thu nợ gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng (nếu có) của phần nợ gốc đó.

14.3. NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn (Mẫu 07/CVTL).

15. Thông báo nợ đến hạn, chuyển nợ quá hạn

15.1. Trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo nợ đến hạn (Mẫu số 08/CVTL) gửi khách hàng.

15.2. Chuyển nợ quá hạn

a) Đến kỳ hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hoặc theo Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, khách hàng chưa trả được hết nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

b) Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 09/CVTL) gửi khách hàng.

16. Xử lý vi phạm

16.1. Khách hàng vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì NHCSXH nơi cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho khách hàng.

16.2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về vi phạm Hợp đồng tín dụng của khách hàng,

NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn gửi khách hàng.

Nếu khách hàng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thông báo, NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (Mẫu số 09/CVTL) gửi khách hàng.

16.3. Trường hợp khách hàng vi phạm theo quy định tại Điều 45 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, NHCSXH nơi cho vay báo cáo và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

17. Hạch toán kế toán, lưu trữ hồ sơ và chế độ báo cáo thống kê

Việc hạch toán kế toán, lưu trữ hồ sơ và báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

18. Tổ chức thực hiện

Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg; Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị thực hiện nghiêm túc việc cho vay theo nội dung sửa đổi, bổ sung của Nghị quyết và Quyết định đã được hướng dẫn tại văn bản này; Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân Việt Nam và các cơ quan có liên quan tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

Chủ động báo cáo với Ủy ban nhân dân, chính quyền địa phương, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp và phối hợp với các Sở Ban ngành, cơ quan liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quy định về các biện pháp áp dụng phòng, chống dịch COVID-19 theo Nghị quyết 128/NQ-CP và kịp thời tháo gỡ khó khăn cho khách hàng trong quá trình thực hiện các thủ tục vay vốn.

19. Hiệu lực thi hành

19.1. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế văn bản số 6199/HD-NHCS ngày 08/7/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn

ng nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

19.2. Về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng:

a) Đối với hồ sơ vay vốn của khách hàng đã được NHCSXH nơi cho vay tiếp nhận theo quy định tại văn bản số 6199/HD-NHCS trước ngày có hiệu lực của văn bản này thì NHCSXH nơi cho vay xem xét cho vay trên cơ sở hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng đã nộp.

b) Nếu NHCSXH nơi cho vay chưa tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng hoặc đã tiếp nhận hồ sơ nhưng chưa hợp pháp, hợp lệ theo quy định, NHCSXH nơi cho vay chủ động hướng dẫn khách hàng lập và hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại văn bản này.

c) Trường hợp khách hàng nộp văn bản thỏa thuận ngừng việc, trong nội dung thỏa thuận đã thể hiện được nội dung về thời gian ngừng việc, tiền lương ngừng việc, NHCSXH nơi cho vay được sử dụng để thay thế cho văn bản thỏa thuận về tiền lương ngừng việc.

19.3. Đối với hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng đã tiếp nhận và phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay tiếp tục thực hiện quy trình cho vay theo quy định tại văn bản này.

19.4. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này tiếp tục được thực hiện theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 126/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐ - TB&XH; Ngân hàng Nhà nước;
- Hội Nông dân Việt Nam;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết 68;
- Chủ tịch và thành viên HĐQT NHCSXH;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để phối hợp);
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;
- Lưu: VT, TDNN.

(để b/c)

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận

NHCSXH TỈNH/TP.....
 PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**THÔNG BÁO
 TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN**

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm,
 Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
 đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên khách hàng:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ ¹	Tình trạng
1	Giấy đề nghị vay vốn trả lương ngừng việc cho người lao động/ Đề nghị vay vốn để trả lương phục hồi sản xuất.	Bản gốc đề nghị tháng
2	Danh sách người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội theo Mẫu 13a/13b/13c	Bản gốc danh sách tháng.....
3	Giấy ủy quyền (nếu có)	<input type="checkbox"/> Bản chính <input type="checkbox"/> Bản gốc <input type="checkbox"/> Bản sao có chứng thực
4	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).	<input type="checkbox"/> Bản sao giấy có thời hạn hoạt động đến.../.../..... <input type="checkbox"/> Bản sao giấy có thời hạn hoạt động đến.../.../.....
5	Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư.	<input type="checkbox"/> Bản sao giấy có thời hạn hoạt động đến.../.../..... <input type="checkbox"/> Bản sao giấy có thời hạn hoạt động đến.../.../.....

¹ Thông báo được lập trực tiếp khi nhận được hồ sơ của khách hàng. Cán bộ được phân công kiểm tra tình trạng hồ sơ và phản ánh các hồ sơ thực nhận vào Thông báo, xóa bỏ các nội dung không liên quan trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

6	Điều lệ của doanh nghiệp/ Hợp tác xã/ tổ chức khác	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản sao
7	Văn bản của chủ sở hữu doanh nghiệp/Hợp tác xã/tổ chức khác chấp thuận cho doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản gốc/chính
8	Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản sao
9	Văn bản thỏa thuận tiền lương ngừng việc/ thỏa thuận ngừng việc giữa người sử dụng lao động với người lao động	<i>Bản sao: bản</i>	
10	Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động để phòng, chống dịch Covid-19 hoặc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP	<i>Bản sao.....</i>	
11	Phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/> Không có	<input type="checkbox"/> Bản gốc

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp đến Quý khách hàng chậm nhất ngày/...../..... về địa chỉ của khách hàng.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

EP

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**TỜ TRÌNH
PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính trình:

A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG VAY VỐN

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã/hộ kinh doanh/cá nhân¹:
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../.....
của
4. Địa chỉ:.....
5. Điện thoại:
6. Mã số thuế:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Do..... Cấp ngày
8. Quyết định thành lập số²:.....
9. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư³ số:
10. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề⁴ số: .
.....thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm)

(Hồ sơ vay vốn đính kèm)

Đề nghị phê duyệt cho vay với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20....

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

Trong đó⁵:

- Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

1 Đối với cá nhân có sử dụng, thuê mướn lao động nhưng không đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh.

2 Đối với tổ chức được thành lập theo Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3 Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.

4 Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định.

5 Căn cứ đề nghị của khách hàng, cán bộ ghi rõ mục đích để trả lương ngừng việc hay trả lương phục hồi sản xuất. Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn 01 tháng cho cả 02 mục đích trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất thì nêu cụ thể số tiền cho từng mục đích.

- Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.
- 2. Số lao động không đủ điều kiện: lao động,
lý do:.....
- 3. Mục đích sử dụng vốn vay trả lương
- 4. Lãi suất:
 - Lãi suất cho vay: 0%/năm
 - Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm
- 5. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

CÁN BỘ TÍN DỤNG⁶
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁶ Mẫu được soạn thảo trực tiếp khi cán bộ lập tờ trình phê duyệt cho vay.



B. PHÊ DUYỆT CHO VAY

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20....

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

Trong đó:

- Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với
lao động.

- Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh: đồng,
với lao động.

2. Mục đích sử dụng vốn vay trả lương

3. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm

4. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

Ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:.....¹

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng như sau:

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20...

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

Trong đó²:

- Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.

- Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất:..... đồng, với ... lao động.

2. Số lao động không đủ điều kiện: lao động,

lý do:.....

3. Mục đích sử dụng vốn vay trả lương

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng
đến địa chỉ vào lúc

giờ.....phút, ngày tháng năm..... để ký Hợp đồng tín dụng/Phụ
lục hợp đồng tín dụng và làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện thoại:.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo sau khi được phê duyệt cho vay, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

² Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn 01 tháng cho cả 02 mục đích trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất thì nêu cụ thể số tiền cho từng mục đích.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:¹

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm 20.....,
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Mẫu được soạn thảo trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, phần kính gửi ghi rõ tên khách hàng vay vốn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹

Số:/20.../HĐTD

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ văn bản số 6199A/HD-NHCS ngày 06/11/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của,

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

II. Bên vay²

1. Đối với người sử dụng lao động là doanh nghiệp, tổ chức,...

- Tên đơn vị:.....
- Họ và tên người đại diện:

¹ Hợp đồng được đánh máy, in, đóng dấu giáp lai giữa các trang và Tổ trưởng hoặc Trưởng Phòng KHNVTĐ ký tất từng trang. Mẫu hợp đồng dùng chung, NHCSXH nơi cho vay bỏ các nội dung không liên quan khi thỏa thuận với Bên vay.

² Tùy vào từng đối tượng cụ thể, NHCSXH nơi cho vay xóa các nội dung không cần thiết, chỉ để lại các nội dung phù hợp với khách hàng.

- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../.....
của
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Mã số thuế:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh
doanh/Giấy phép đầu tư³ số:do.....cấp
ngày.....
- Ngành nghề kinh doanh chính:.....
- Tài khoản thanh toán số:tại

2. Đối với người sử dụng lao động là cá nhân

- Họ và tên:.....
- Ngày sinh:.....Giới tính:.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Ngành nghề kinh doanh/đơn vị công tác:.....
- Điện thoại:.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
- Tài khoản thanh toán số:tại

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng với các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Bằng Hợp đồng tín dụng này, Bên cho vay thống nhất cho Bên vay vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định tại Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.

Bên vay được vay vốn một hoặc nhiều lần để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động. Các lần vay tiếp theo (nếu có), kể từ lần vay đầu tiên, Bên cho vay và Bên vay thỏa thuận ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng để xác định số tiền vay từng lần và tổng số tiền vay.

Điều 2. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay tháng năm 20...

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

Trong đó: ⁴

³ Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

⁴ Trường hợp khách hàng đề nghị vay vốn 01 tháng cho cả 02 mục đích trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất thì nêu cụ thể số tiền cho từng mục đích.

- Số tiền cho vay trả lương ngừng việc: đồng, với lao động.
- Số tiền cho vay trả lương phục hồi sản xuất: đồng, với ... lao động.

2. Mục đích sử dụng vốn vay: Trả lương

3. Thời hạn cho vay: tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên. Ngày đến hạn trả nợ của các lần giải ngân tiếp theo (nếu có) là ngày đến hạn trả nợ được xác định tại Hợp đồng tín dụng này.

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay: 0%/năm
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm

Điều 3. Giải ngân tiền vay

1. Việc giải ngân được thực hiện sau khi Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng được hai bên ký kết, Bên vay ký nhận nợ trên Phân theo dõi cho vay - thu nợ.

2. Bên cho vay giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho Bên vay:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên vay*):
- Số tài khoản:
- Mở tại:

Điều 4. Việc kiểm tra sau giải ngân của Bên cho vay

1. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ (sau đây gọi tắt là chứng từ) chứng minh việc đã trả lương cho người lao động. Khi Bên vay cung cấp, Bên cho vay kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay.

2. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc đã trả lương cho người lao động thì Bên cho vay thực hiện kiểm tra trực tiếp việc sử dụng vốn vay của Bên vay và lập Biên bản kiểm tra, cụ thể như sau:

- Trường hợp Bên vay cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc đã trả lương hoặc tài liệu chứng minh nguyên nhân khách quan chưa cung cấp đầy đủ chứng từ, Bên cho vay tiếp tục thực hiện cho vay.

- Trường hợp Bên vay không cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu chứng minh hoặc sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc vi phạm các nội dung khác trong Hợp đồng tín dụng, Bên cho vay kết luận biện pháp xử lý.

Điều 5. Thông báo nợ đến hạn, chuyển nợ quá hạn

1. Trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 30 ngày, Bên cho vay thông báo nợ đến hạn cho Bên vay.

2. Chuyển nợ quá hạn: Đến ngày trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hoặc theo Thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn mà Bên vay không trả được nợ, Bên cho vay chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

3. Lãi suất nợ quá hạn được tính kể từ ngày Bên cho vay chuyển nợ quá hạn.

Điều 6. Trả nợ gốc, trả lãi quá hạn

1. Bên vay trả nợ gốc một lần khi đến hạn và có thể trả nợ trước hạn.
2. Bên vay trả nợ gốc, trả lãi quá hạn (nếu có) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trường hợp chuyển khoản vào tài khoản của Bên cho vay đề nghị chuyển về:
 - Đơn vị thụ hưởng (tên tài khoản Bên cho vay):
 - Số tài khoản:.....
 - Mở tại:.....
 - Nội dung: Trả nợ gốc/ lãi quá hạn (nếu có) theo Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm 20.....

3. Trường hợp Bên vay trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó (nếu có).

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận và được quyền yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết.
2. Bên cho vay chỉ thực hiện giải ngân lần tiếp theo sau khi Bên vay đã cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay của lần giải ngân trước. Sau 30 ngày kể từ ngày giải ngân, nếu Bên vay chưa cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh thì Bên cho vay thực hiện kiểm tra trực tiếp việc sử dụng vốn vay của Bên vay.
3. Kiểm tra, giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất việc vay vốn và sử dụng vốn của Bên vay.
4. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng này.
5. Trường hợp Bên vay vi phạm quy định tại Điều 45 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
6. Được chủ động trích tài khoản của Bên vay mở tại Bên cho vay để thu nợ gốc đến hạn, quá hạn, thu lãi quá hạn (nếu có).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoả thuận, cam kết và được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận.
2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Hợp đồng tín dụng này và Phụ lục Hợp đồng tín dụng (nếu có). Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân, Bên vay có nghĩa vụ cung cấp các chứng từ chứng minh việc đã trả lương cho người lao động.
3. Trả nợ gốc đầy đủ, đúng hạn và lãi quá hạn (nếu có) cho Bên cho vay. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Bên vay để trả nợ Bên cho vay.
4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên cho vay về tính chính xác, trung thực của các thông tin, hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Bên cho vay.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong việc vay vốn, sử dụng vốn.

6. Thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi liên quan đến thông tin của Bên vay được nêu trong Hợp đồng tín dụng này.

Điều 9. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp Bên vay vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng thì Bên cho vay xem xét chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và thông báo cho Bên vay.

2. Căn cứ kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc kết luận tại Biên bản kiểm tra về việc vi phạm Hợp đồng tín dụng của Bên vay, Bên cho vay chấm dứt cho vay và thông báo cho Bên vay.

3. Nếu Bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thông báo, Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và thông báo cho Bên vay.

4. Trường hợp Bên vay vi phạm theo quy định tại Điều 45 Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và/hoặc cố tình không hoàn trả vốn vay, Bên cho vay báo cáo và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp xảy ra giữa hai bên được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa ánđể xem xét giải quyết.

Điều 11. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận, thống nhất của hai bên bằng văn bản.

2. Những nội dung không được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng này được thực hiện theo quy định của NHCSXH, quy định của pháp luật.

Điều 12. Hiệu lực của Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi quá hạn (nếu có) cho Bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng này bao gồm.....trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký tên, đóng dấu)

PHẦN THEO DÕI CHO VAY – THU NỢ - DƯ NỢ

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay - thu nợ*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng Năm	Diễn giải	Số tiền	Lãi suất %/ năm	Ngày đến hạn trả nợ	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
						Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi chuyển nợ quá hạn, thu nợ quá hạn*Đơn vị: đồng*

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/thu nợ quá hạn	Lãi suất %/năm	Dư nợ quá hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
Số:/20.../HĐTD/PL...¹

Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021, Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021, Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ văn bản số 6199A/HD-NHCS ngày 06/11/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất;

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số/20...../HĐTD ngày tháng năm ký giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội..... và

Căn cứ hồ sơ vay vốn của

Hôm nay, ngày tháng năm, tại trụ sở Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội, chúng tôi gồm:

I. Bên cho vay

- Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:

II. Bên vay

1. Đối với người sử dụng lao động là tổ chức (doanh nghiệp.....):

- Tên đơn vị:.....

¹ Phụ lục hợp đồng được đánh máy và in, việc lấy số phụ lục được lấy theo số của Hợp đồng tín dụng đã ký cụ thể như sau: Số:/20.../HĐTD/PL01 hoặc Số:/20.../HĐTD/PL02.

- Họ và tên người đại diện:
- Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....
Ngày cấp..... Nơi cấp.....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
- Giấy ủy quyền (nếu có): số ngày/...../.....
của
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Mã số thuế:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập/Giấy phép kinh
doanh/Giấy phép đầu tư² số:
do.....Cấp ngày.....
- Ngành nghề kinh doanh chính:.....
- Tài khoản thanh toán số: tại

2. Đối với người sử dụng lao động là cá nhân

- Họ và tên:.....
- Ngày sinh:.....Giới tính:.....
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Căn cước công dân số:.....
Ngày cấp.....Nơi cấp.....
- Ngành nghề kinh doanh/đơn vị công tác:.....
- Điện thoại:.....
- Địa chỉ thường trú:.....
- Nơi ở hiện tại:.....
- Tài khoản thanh toán số: tại

Hai bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục hợp đồng tín dụng với một số điều khoản cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Số tiền cho vay tháng năm 20....

Bằng số:.....đồng.

(Bằng chữ:))

2. Mục đích sử dụng vốn vay: Trả lương

3. Tổng số tiền cho vay đến ngày/..../20... là³:

Bằng số:.....đồng

(Bằng chữ:))

² Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

³ Tổng số tiền cho vay được xác định bằng tổng số tiền cho vay các lần trước và số tiền cho vay tại phụ lục này.

Điều 2. Những nội dung không quy định tại Phụ lục hợp đồng tín dụng này, hai bên thực hiện theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số/20...../HĐTD.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng tín dụng này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng số/20..../HĐTD ký ngày tháng năm

Phụ lục hợp đồng tín dụng này gồm trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY
(Ký tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....
 PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BIÊN BẢN
 KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY**

Căn cứ hồ sơ vay vốn và Hợp đồng tín dụng số ngày
 / /, Phụ lục hợp đồng tín dụng số ngày / /
 giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và

 Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày tháng ... năm 20..., tại
, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần

1. Bên kiểm tra¹:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
2. Khách hàng:
- Địa chỉ:.....
- Đại diện:..... Chức vụ:.....

II. Nội dung kiểm tra

1. Đến ngày / /, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã cho khách hàng vay vốn trả lương với tổng số tiền đồng và tổng số lượt người lao động, trong đó:

- Tháng năm 20...: số tiền vay: đồng,..... lao động.
- Tháng năm 20...: số tiền vay: đồng,..... lao động.
- Tháng năm 20...: số tiền vay: đồng,..... lao động.

2. Qua kiểm tra thực tế hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn của khách hàng, kết quả kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng như sau:

- Số lượt người lao động đã nhận tiền lương: lao động, số tiền: đồng.
- Số lượt người lao động không nhận được tiền lương: lao động, số tiền: đồng.
- Các nội dung khác (nếu có):

¹ Ghi rõ tên đơn vị/đoàn kiểm tra

.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết luận sau kiểm tra

1. Kết luận của bên kiểm tra²:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Ý kiến của khách hàng:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện./

KHÁCH HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

² Khi phát hiện khách hàng sử dụng vốn không đúng mục đích và vi phạm các nội dung trong Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký, cán bộ kiểm tra phản ánh đầy đủ những vi phạm nêu trên và thu thập các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vi phạm của khách hàng và đề xuất hình thức xử lý.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY VÀ
THU HỒI NỢ TRƯỚC HẠN**

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng số
ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính
sách xã hội với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng.....
do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng số
ngày...../...../....., cụ thể²:

-
-

Do đó, yêu cầu khách hàng phải thực hiện trả nợ chậm nhất ngày
tháng.....năm.....³ với số tiền đồng (Bằng chữ:.....).

Đến hết ngày..... tháng.....năm....., khách hàng không thực hiện nghĩa
vụ trả nợ, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... sẽ chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên và áp dụng lãi suất
nợ quá hạn 12%/năm.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo để khách hàng được biết./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên khách hàng vay vốn

² Phần cụ thể, Căn cứ vào việc kiểm tra, cán bộ NHCSXH nơi cho vay ghi rõ nội dung vi phạm và số tiền vi phạm của khách hàng.

³ 30 ngày kể từ ngày lập thông báo hoặc thời gian theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỢ ĐẾN HẠN¹

Kính gửi:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng số
ngày tháng năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính
sách xã hội với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo:

- Số nợ gốc đến hạn: đồng.

(*Bằng chữ:*))

- Ngày đến hạn:/...../.....

Yêu cầu khách hàng trả nợ đầy đủ, đúng hạn số nợ gốc trên. Trường hợp
chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*):

- Số tài khoản:.....

- Mở tại:.....

- Nội dung: Trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số.....
ngày tháng năm 20.....

Đến hết ngày..... tháng.....năm....., nếu khách hàng không trả nợ, Chi
nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khách hàng sang nợ quá hạn. Lãi suất nợ
quá hạn là 12%/năm, áp dụng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn.

Để biết thêm chi tiết, đề nghị khách hàng liên hệ Chi nhánh/Phòng giao dịch
Ngân hàng Chính sách xã hội để được hướng dẫn./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Thông báo được đánh máy, in

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD HUYỆN.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:¹

Căn cứ Hợp đồng tín dụng/Phụ lục hợp đồng tín dụng số
ngày ... tháng ... năm giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính
sách xã hội với khách hàng vay vốn là
.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... thông báo:

- Số nợ gốc đã chuyển nợ quá hạn:đồng
(*Bằng chữ:*)
- Ngày chuyển nợ quá hạn:/...../.....
- Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm.
- Lý do chuyển nợ quá hạn:

Yêu cầu khách hàng trả số tiền nợ quá hạn nêu trên cho Chi nhánh/Phòng
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
Trường hợp trả nợ bằng chuyển khoản, đề nghị khách hàng chuyển về:

- Đơn vị thụ hưởng (*tên tài khoản Bên cho vay*):
- Số tài khoản:.....
- Mở tại:.....
- Nội dung: trả nợ gốc quá hạn, lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng
số ngày.....tháng năm 20....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
yêu cầu khách hàng thực hiện trả nợ./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thông báo được đánh máy, in